

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÔN ĐẢO
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2025
V/v: Ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thanh

Bà Đoàn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hữu Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Từ Thị Hồng M, sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Đặng Thanh S, sinh năm: 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Từ Thị Hồng M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Từ Thị Hồng M và ông Đặng Thanh S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày 04/6/2010. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và bà đã nộp đơn xin ly hôn với ông Đặng Thanh S tại Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, qua hòa giải của Tòa án bà đồng ý rút đơn khởi kiện và trở lại chung sống với ông S. Vợ chồng chung sống đến tháng 7/2024 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp và ông S thường xuyên ghen tuông vô cớ nên hay kiểm soát gây gổ, chửi mắng bà. Vì vậy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân và trong thời gian bà nộp đơn ly hôn, ông S nhiều lần gặp bà để bàn chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà không đồng ý. Nay, bà nhận thấy giữa bà và ông S không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và hiện bà cũng không còn tình cảm với ông S. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Thanh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Đặng Minh T, sinh ngày 13/01/2010, hiện con đang ở với bà. Nay ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định trước đây khi vợ chồng sống ở Vĩnh Long có xây 01 căn nhà tạm trên đất của cha mẹ bà M, đến tháng 10/2012 vợ chồng chuyển ra C sinh sống cho đến nay, căn nhà không ai sử dụng nên đã mục nát, không còn giá trị nữa nên bà xác định tài sản chung hiện nay không có và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

2. Tại các biên bản làm việc và tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Thanh S trình bày:

Ông S thống nhất như lời trình bày của bà M về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung, không thống nhất về tài sản chung.

Ông thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng và nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như bà M trình bày. Theo ông trong thời gian chung sống, bà M thường bạo hành ông nhưng không gây thương tích gì cho ông, thường xuyên đi uống rượu và không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng hay cãi vã với nhau nhưng sau đó cả hai vẫn chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến 7/2024 bà M đuổi ông ra khỏi nhà nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, bà M không cho ông cơ hội gặp gỡ để bàn chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau khi bà M nộp đơn ly hôn, ông đã nhiều lần yêu cầu Tòa án cho ông thời gian để ông tìm cách hàn gắn với bà M nhưng vẫn không thành. Nay, qua yêu cầu của bà M, ông S không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với bà M.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, ông S đồng ý giao con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông S xác định vợ chồng có tài sản chung gồm: Phần đất diện tích khoảng 150m² tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của cha mẹ bà Từ Thị Hồng M (*ông Từ Hiền T1 và bà Lê Thị T2*) vào năm 2010 với giá 20.000.000đồng và 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên đất trị giá ước tính khoảng 100.000.000đồng và có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung với yêu cầu như sau: Ông đồng ý giao toàn bộ nhà đất cho bà M được quyền quản lý sử dụng và yêu cầu giao lại cho ông ½ giá trị căn nhà là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Sau khi nhận đơn, Tòa án có thông báo yêu cầu ông sửa chữa, bổ sung đơn yêu cầu phản tố và bổ sung tài liệu, chứng cứ. Nhận được thông báo nhưng ông không sửa chữa, bổ sung đơn yêu cầu phản tố, vì vậy ngày 13/3/2025 Tòa án ra Thông báo trả lại đơn phản tố cho ông, ông đã nhận được thông báo nhưng ông không khiếu nại về việc trả đơn của Tòa án. Khi nào có đầy đủ chứng cứ ông sẽ có yêu cầu sau đối với tài sản chung.

Về nợ chung: Ông S xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

3. Tại biên bản lấy lời khai cháu Đặng Minh T trình bày: Hiện cháu đang ở với mẹ từ khi ba mẹ ly thân đến nay, nay ba mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Dành quyền khởi kiện cho bị đơn đối với tài sản chung ở vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện C nên Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà M và ông S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày 04/6/2010 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính tình, thiếu sự tin tưởng, không tôn trọng lẫn nhau từ đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hòa giải, khắc phục được dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay. Quá trình chung sống, bà M đã có lần xin ly hôn với ông S nhưng sau đó rút đơn trở về đoàn tụ với nhau, sau khi trở lại chung sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc mà tiếp tục phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ đó có thể thấy, trong cuộc sống vợ chồng giữa bà M và ông S luôn tồn tại mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không những không hàn gắn mà còn trở nên trầm trọng. **Tuy, quá trình giải quyết vụ án** ông S không muốn ly hôn và nhiều lần đề nghị Tòa án cho thời gian để ông tìm cách hàn gắn với bà M nhưng trong thời

gian qua ông cũng không có biện pháp gì tích cực để hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà M và ông S có 01 người con chung là Đặng Minh T, sinh ngày 13/01/2010, hiện đang ở với bà M. Nay, bà M yêu cầu được nuôi dưỡng con, ông S cũng chấp nhận theo yêu cầu của bà M và theo nguyện vọng của con cũng muốn ở với bà M. Do vậy, căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà M không yêu cầu nên không xét đến.

[2.4] *Về tài sản chung*: Bà M xác định trước đây có tài sản chung là căn nhà tạm nhưng từ tháng 10/2012 đến nay không sử dụng nên đã mục nát, không còn giá trị nữa; Riêng ông S xác định vợ chồng có tài sản chung gồm: Phần đất diện tích khoảng 150m² tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của cha mẹ bà Từ Thị Hồng M (*ông Từ Hiền T1 và bà Lê Thị T2*) vào năm 2010 với giá 20.000.000đồng và 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên đất trị giá ước tính khoảng 100.000.000đồng và ngày 26/02/2025 ông có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung nêu trên. Qua xem xét đơn phản tố của ông S, thấy rằng: Đơn phản tố không có đủ các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự và không có tài liệu, chứng cứ kèm theo để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Vì vậy, ngày 26/02/2025 Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo ban hành Thông báo số 13/TB-TA về việc yêu cầu sửa chữa, bổ sung đơn yêu cầu phản tố và bổ sung tài liệu, chứng cứ và đã tổng đạt trực tiếp Thông báo này cho ông S vào ngày 27/02/2025. Đã quá thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông S không sửa đổi, bổ sung yêu cầu phản tố. Ngày 13/3/2025, Tòa án ra Thông báo trả lại đơn phản tố cho ông S. Đương sự không khiếu nại, Viện kiểm sát không kiến nghị đối với việc trả đơn của Tòa án nên Thông báo trả đơn có hiệu lực pháp luật. Do vậy, không giải quyết đối với tài sản chung trong vụ án này mà dành quyền khởi kiện cho ông S đối với tài sản chung ở vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.5] *Về nợ chung*: Bà M và ông S xác định không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà M phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông S không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho bà Từ Thị Hồng M ly hôn với ông Đặng Thanh S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Đặng Minh T, sinh ngày 13/01/2010 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, bà M và ông S đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho ông S đối với tài sản chung ở vụ án khác khi có yêu cầu.

5. Về nợ chung: Bà M và ông S xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

6. Về án phí:

- Bà Từ Thị Hồng M phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012146 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Đặng Thanh S không chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi

nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh BR-VT;

- VKSND tỉnh BR-VT;

- VKSND huyện Côn Đảo;

- Chi Cục THADS huyện Côn Đảo;

- UBND xã Mỹ Hòa, H. Bình Minh,
tỉnh Vĩnh Long;

(GCNKH số 69, ngày 04/6/2010)

- Người tham gia tố tụng;

- Lưu.

Trần Thị Mỹ Dung

